

20/12/2023

Chuyên viên phân tích Phạm Phương Linh
linhpp@kbsec.com.vn

Cập nhật KQKD 3Q2023

Tổng thu nhập hoạt động lũy kế 9T2023 đạt 35,556 tỷ đồng – tăng trưởng nhẹ 5.1% YoY, được dẫn dắt chủ yếu nhờ thu lãi thuần tăng trưởng 12% (chiếm hơn 80% trong cơ cấu TOI). Trong khi đó, NOI 9T2023 tăng trưởng âm (-19% YoY) bởi nhiều nguồn thu bị ảnh hưởng trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn, dù đã ghi nhận sự cải thiện trong quý 3. Lũy kế 9T2023, LNTT của MBB ghi nhận 20,019 tỷ đồng (+10% YoY) – hoàn thành 76% kế hoạch dự phóng của chúng tôi.

NIM duy trì ở mức cao nhờ phát huy được lợi thế về CASA

KBSV kỳ vọng MBB sẽ duy trì mức NIM cao như hiện tại và có thể sẽ cải thiện rõ rệt hơn trong năm 2024 nhờ: (1) chi phí vốn dần phản ánh những bước đi điều hành lãi suất, trong khi (2) tốc độ giảm của lãi suất cho vay sẽ chậm hơn bởi các khoản vay trung và dài hạn chiếm tỷ trọng lớn hơn trong cơ cấu cho vay khiến thời gian tái định lãi suất cũng dài hơn.

Tốc độ gia tăng nợ xấu vẫn chưa được kiểm soát

Tỷ lệ nợ xấu (NPL) tăng thêm 50bps so với quý trước lên mức 1.9%, trong đó tỷ trọng nợ nhóm 3 và nhóm 4 có mức tăng mạnh nhất (lần lượt 56% và 37% QoQ). Với tốc độ gia tăng của nợ xấu, MBB cũng đã tích cực trích lập trong quý này, chi phí tín dụng tăng 50% YoY và 20% QoQ. Dù vậy, tỷ lệ bao phủ nợ xấu vẫn giảm về 122%, song MBB vẫn nằm trong nhóm ngân hàng có tỷ lệ bao phủ cao nhất hệ thống.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 25,000 VND/cp

Sử dụng 2 phương pháp định giá P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư, chúng tôi điều chỉnh mức giá mục tiêu cho năm 2024 của cổ phiếu MBB là 25,000 VND/cp, cao hơn 39% so với giá tại ngày 19/12/2023. Khuyến nghị MUA với cổ phiếu MBB.

MUA Duy trì

Giá mục tiêu	VND 25,000
Tăng/giảm	39%
Giá mục tiêu đồng thuận	22,300
Giá hiện tại (19/12/2023)	18,150
Giá mục tiêu đồng thuận	26,626
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/triệu USD)	96,460/3.87

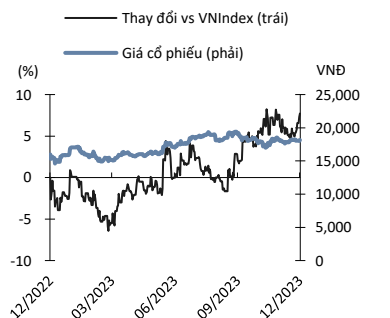
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	55%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	226.46/9.3
Sở hữu nước ngoài (%)	23.23%
Tập đoàn CN-Viên thông quân đội	14.14%

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-0.3	-4.5	6.8	18.6
Tương đối	0.2	5.6	7.7	10.7

Dự phóng KQKD & định giá

(tỷ VND)	2021	2022	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	26,200	36,023	40,228	45,344
LN trước CF DPRRTD (tỷ VND)	24,557	30,777	32,788	36,854
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	13,221	18,155	19,423	22,069
EPS (đồng/cổ phiếu)	3,361	3,856	4,091	4,617
Tăng trưởng EPS (%YoY)	14%	15%	6%	13%
PER (x)	13.1	11.4	10.8	9.5
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	16,538	17,559	20,971	24,987
PBR (x)	2.66	2.51	2.10	1.76
ROE (%)	23.5%	25.6%	22.2%	21.2%

Nguồn: KBSV ước tính



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Kết quả kinh doanh 3Q2023

Cập nhật KQKD 3Q2023

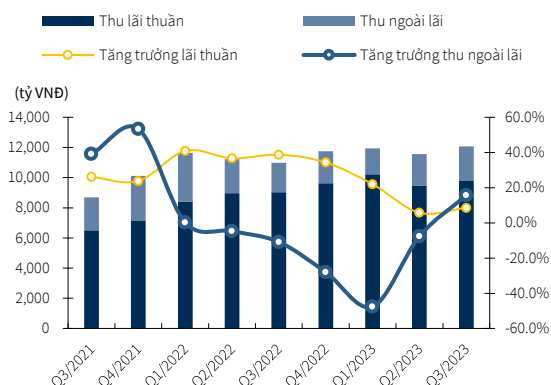
Tổng thu nhập hoạt động lũy kế 9T2023 đạt 35,556 tỷ đồng – tăng trưởng nhẹ 5.1% YoY, được dẫn dắt chủ yếu nhờ thu lãi thuần tăng trưởng 12% (chiếm hơn 80% trong cơ cấu TOI). Trong khi đó, NOI 9T2023 tăng trưởng âm (-19% YoY) bởi nhiều nguồn thu bị ảnh hưởng trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn, dù đã ghi nhận sự cải thiện trong quý 3. Chi phí tín dụng trong quý này tiếp tục tăng 20% so với quý trước khi tỷ lệ nợ xấu (NPL) đã tăng lên 1.9% từ mức 1.44% cuối quý 2/2023. Lũy kế 9T2023, LNTT của MBB ghi nhận 20,019 tỷ đồng (+10% YoY) – hoàn thành 76% kế hoạch dự phóng của chúng tôi.

Bảng 1. Cập nhật KQKD Q3/2023

(tỷ VNĐ)	3Q2022	3Q2023	YoY	9T2022	9T2023	YoY	Chú thích
Thu nhập lãi thuần	9,039	9,812	+8.6%	26,394	29,520	+11.8%	Tăng trưởng thu nhập lãi thuần được hỗ trợ bởi tín dụng khả quan trong 9 tháng đầu năm. MBB nằm trong top những ngân hàng có mức tăng trưởng tín dụng cao nhất toàn ngành (chỉ sau HDB và MSB).
Thu nhập ngoài lãi	1,948	2,253	+15.7%	7,448	6,035	-19.0%	NOII lũy kế 9T2023 sụt giảm 19% YoY, chủ yếu do: -Thu nhập từ phí của mảng Banca và IB giảm mạnh trong điều kiện khó khăn nửa đầu năm nay. Bù lại, mảng thanh toán và ngân quỹ tăng trưởng ấn tượng 65% YoY. -Thu từ hoạt động ngoại hối, vàng và hoạt động mua bán CKĐT giảm mạnh so với cùng kỳ do không có khoản thu đột biến như năm 2022.
Tổng thu nhập hoạt động	10,986	12,065	+9.8%	33,841	35,556	+5.1%	NII có xu hướng tăng tỷ trọng đóng góp vào TOI trong những quý gần đây giúp TOI vẫn ghi nhận mức tăng trưởng dương, trong khi đa số các ngân hàng đều có mức tăng trưởng TOI âm.
Chi phí hoạt động	(3,729)	(3,334)	-10.6%	(11,187)	(11,037)	-1.3%	Chi phí hoạt động có xu hướng giảm trong những quý gần đây, chủ yếu do sự cải thiện từ chi phí cho nhân viên.
CIR	33.9%	27.6%	-6.3%	33%	31%		
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(962)	(1,447)	+50.5%	(4,462)	(4,500)	+0.8%	Chi phí tín dụng tăng mạnh cùng với tốc độ gia tăng nợ xấu
LNTT	6,296	7,284	+15.7%	18,192	20,019	+10.0%	
LNST	5,035	5,821	+15.6%	14,555	16,009	+10.0%	
Tăng trưởng tín dụng	17.1%	13.7%					Tăng trưởng tín dụng khả quan mức 13.7% YTD khiến MBB tiếp tục nằm trong top những ngân hàng có mức tăng trưởng tín dụng cao nhất hệ thống. Cụ thể, dư nợ cho vay nhóm KHDN tăng 20% YTD, KHCN tăng 13% YTD bù đắp cho sự sụt giảm của kênh tín dụng thông qua TPDN (-13% YTD).
Tăng trưởng huy động	6.1%	11.0%					
NIM	5.87%	5.31%	-0.56%				NIM cải thiện chậm hơn kỳ vọng của chúng tôi do CoF vẫn chưa có xu hướng giảm so với quý trước, nhiều khả năng do các khoản tiền gửi với lãi suất cao vẫn chưa đáo hạn hết. Dù vậy mức NIM của MBB vẫn khá cao so với mặt bằng chung toàn ngành.
NPL	1.04%	1.89%	+0.85%				Mặc dù tỷ trọng nợ nhóm 2 trên tổng dư nợ đã giảm so với quý trước, nhưng tỷ lệ hình thành nợ xấu tăng mạnh khiến NPL trong quý 3 tăng thêm 40 bps so với quý trước. Tỷ phủ bao phủ nợ xấu giảm về mức 122%, nhưng MBB vẫn là ngân hàng duy trì tỷ lệ LLCR trên 100% trong nhóm NH TMCP Lớn (gồm MBB, TCB, VPB, ACB, STB, SHB).

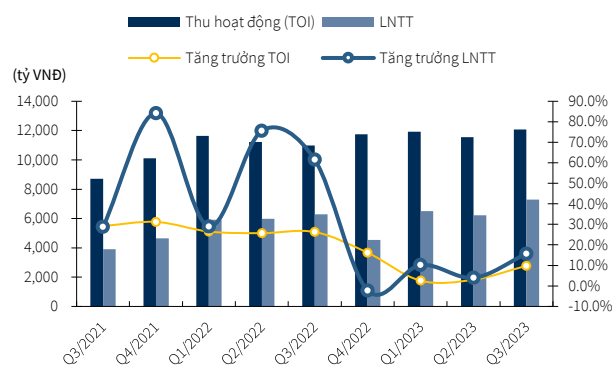
Nguồn: MBB, KBSV

Biểu đồ 2. Tăng trưởng lãi thuần và thu nhập lãi thuần



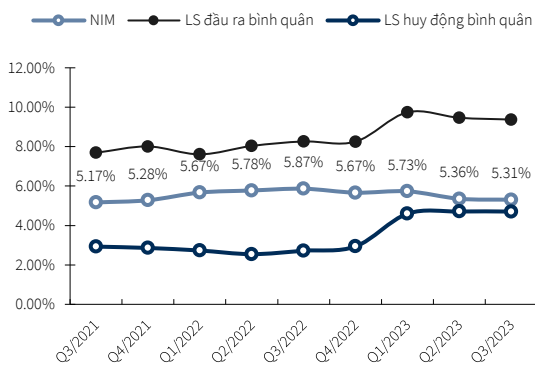
Nguồn: MBB, KBSV

Biểu đồ 3. Tăng trưởng TOI và LNST



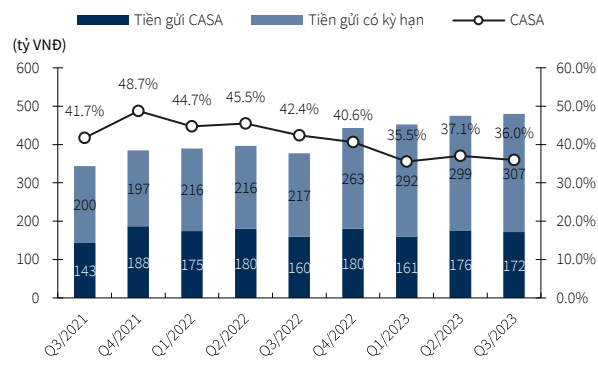
Nguồn: MBB, KBSV

Biểu đồ 4. Biến động NIM theo quý



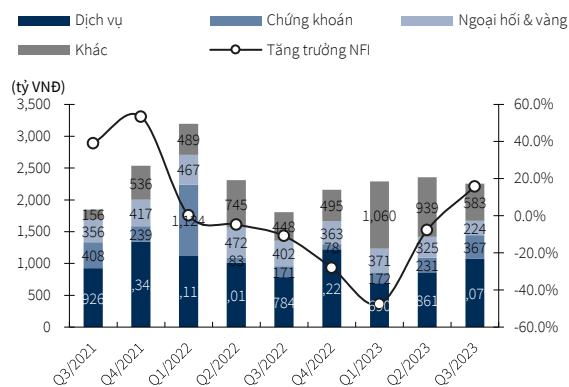
Nguồn: MBB, KBSV

Biểu đồ 5. Tỷ lệ CASA của MBB theo quý



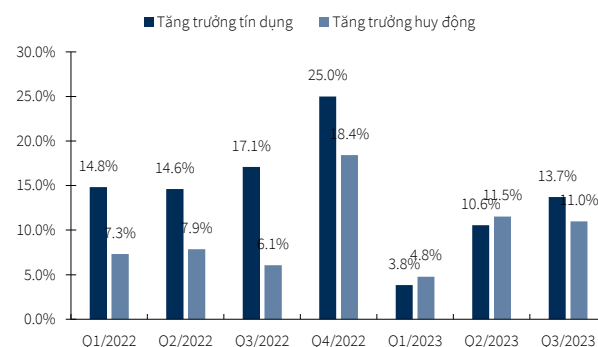
Nguồn: MBB, KBSV

Biểu đồ 6. Cơ cấu thu dịch vụ



Nguồn: MBB, KBSV

Biểu đồ 7. Tăng trưởng tín dụng và huy động theo quý



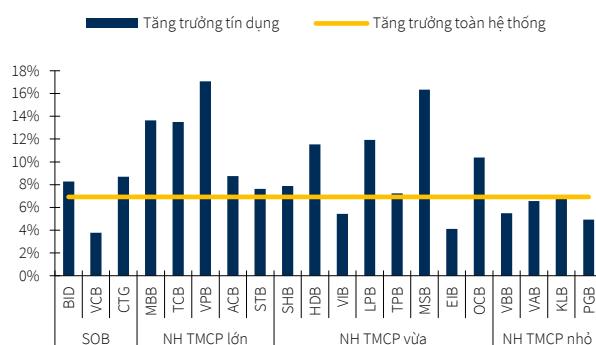
Nguồn: MBB, KBSV

Tín dụng tăng trưởng mạnh là động lực thúc đẩy lợi nhuận

Tăng trưởng tín dụng 9T2023 đạt 13.7% YTD, trong khi tín dụng tính đến cuối tháng 6 tăng 10.6%, cho thấy giải ngân trong quý 3 có phần chậm lại so với quý trước. Chúng tôi cho rằng nguyên nhân đến từ cho vay khách hàng tăng chậm lại do bối cảnh nền kinh tế chưa có những tín hiệu hồi phục, trong khi tín dụng qua TPDN vẫn tiếp nối diễn biến ảm đạm từ đầu năm. Đây cũng là xu hướng chung diễn ra với các ngân hàng khác, và nhìn chung mức tăng trưởng tín dụng của MBB vẫn vượt trội so với mức trung bình 6.9% của toàn ngành. Chúng tôi kỳ vọng tốc độ giải ngân tín dụng được đẩy mạnh hơn trong giai đoạn cuối năm, MBB có thể hoàn thành kế hoạch tăng trưởng tín dụng cả năm là 18-20%.

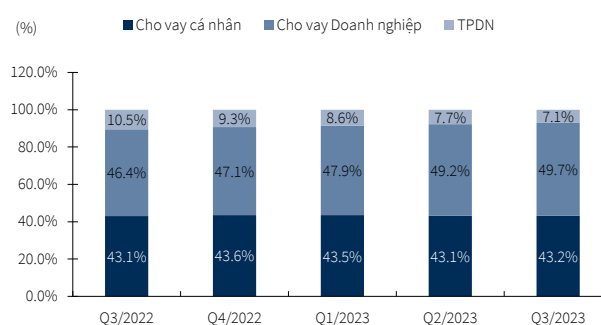
Cơ cấu tín dụng dịch chuyển sang nhóm KHDN (chiếm 49.7%) với lĩnh vực cho vay chính bao gồm kinh doanh bất động sản, thương mại bán buôn & bán lẻ, sản xuất chế biến. Cho vay KHCN (chiếm 43.2%) không ghi nhận mức tăng trưởng như các năm trước phần nào ảnh hưởng đến NIM của ngân hàng bởi phân khúc KHCN thường cho lợi suất cao hơn.

Biểu đồ 8. Tăng trưởng tín dụng tính 1H2023 các ngân hàng



Nguồn: MBB, KBSV

Biểu đồ 9. Cơ cấu dư nợ tín dụng của MBB

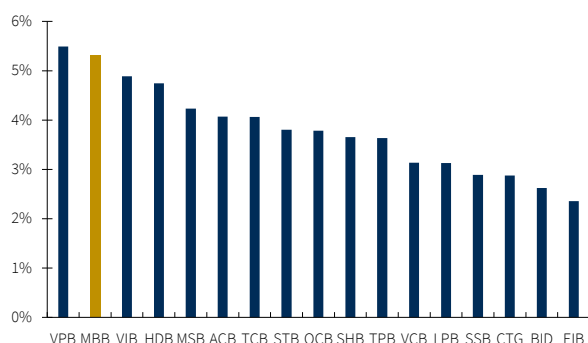


Nguồn: MBB, KBSV

NIM duy trì ở mức cao nhờ phát huy được lợi thế về CASA

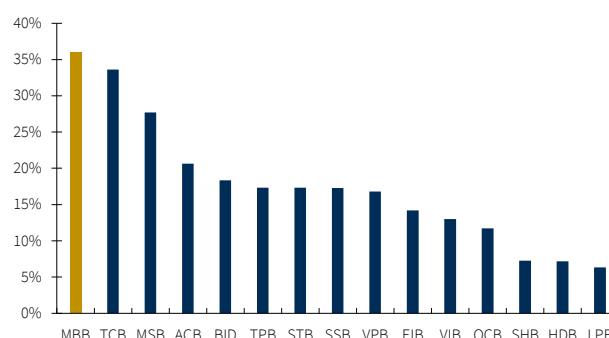
NIM quý 3/2023 đạt 5.31%, chỉ giảm nhẹ 6bps so với quý liền trước. Chi phí huy động vẫn chưa có sự cải thiện đáng kể so với quý trước dù lãi suất huy động của ngân hàng đã giảm 1-2% ở hầu hết các kỳ hạn. Điều này có thể được giải thích bởi các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6-12 tháng với lãi suất cao vẫn chưa đáo hạn hết. Mặc dù vậy, MBB vẫn kiểm soát được ảnh hưởng từ CoF do ngân hàng phát huy lợi thế dẫn đầu về CASA. KBSV kỳ vọng MBB sẽ duy trì mức NIM cao như hiện tại và có thể sẽ cải thiện rõ rệt hơn trong năm 2024 nhờ: (1) chi phí vốn dần phản ánh những bước đi điều hành lãi suất, CASA cải thiện nhờ nhóm KHDN; trong khi (2) tốc độ giảm của lãi suất cho vay sẽ chậm hơn bởi các khoản vay trung và dài hạn chiếm tỷ trọng lớn hơn trong cơ cấu cho vay khiến thời gian tái định lãi suất cũng dài hơn.

Biểu đồ 10. NIM 3Q2023 của các ngân hàng



Nguồn: MBB, KBSV

Biểu đồ 11. Tỷ lệ CASA của các ngân hàng



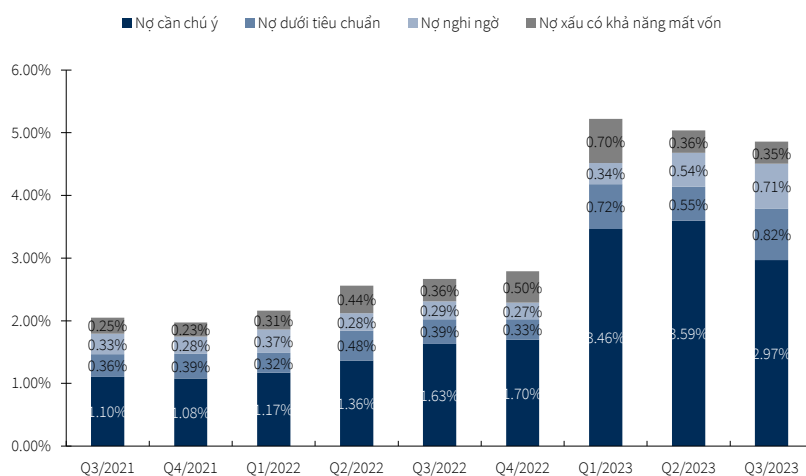
Nguồn: MBB, KBSV

Tốc độ gia tăng nợ xấu vẫn chưa được kiểm soát

Mặc dù dẫn đầu về tăng trưởng lợi nhuận so với các NH TMCP, song tốc độ gia tăng nợ xấu cũng nhanh hơn trong quý này. Tỷ lệ nợ xấu (NPL) tăng thêm 50bps so với quý trước lên mức 1.9%, trong đó tỷ trọng nợ nhóm 3 và nhóm 4 có mức tăng mạnh nhất (lần lượt 56% và 37% QoQ). Với tốc độ gia tăng của nợ xấu, MBB cũng đã tích cực trích lập trong quý này, chi phí tín dụng tăng 50% YoY và 20% QoQ. Dù vậy, tỷ lệ bao phủ nợ xấu vẫn giảm về 122%, nhưng vẫn nằm trong nhóm ngân hàng có tỷ lệ bao phủ cao nhất hệ thống.

Điểm tích cực trong chất lượng tài sản của quý 3 là tỷ trọng nợ nhóm 2 trên tổng dư nợ đã giảm về 2.97% từ mức 3.56% của quý trước. Chúng tôi kỳ vọng NPL của ngân hàng sẽ được kiểm soát tốt hơn trong các quý tới khi dòng tiền của khách hàng được cải thiện để hoàn thành nghĩa vụ nợ vay trong bối cảnh nền kinh tế ấm lên.

Biểu đồ 12. Cơ cấu nợ theo nhóm (G2-G5)



Nguồn: MBB, KBSV

Dự phóng KQKD & Định giá

Bảng 13. Dự phóng kết quả kinh doanh

(Tỷ VNĐ)	2022	2023F	+/-%YoY2022	2024F	+/-%YoY2023	Chú thích
Thu nhập lãi thuần	36,023	40,228	+11.7%	45,344	+12.7%	Điều chỉnh hạ dự phóng với giả định MBB hoàn thành 70-80% hạn mức tín dụng được giao trong năm nay.
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4,136	3,418	-17.3%	4,444	+30.0%	Giảm kỳ vọng với thu phí dịch vụ do mảng TPDN và Bancassurance chưa thấy có sự cải thiện đáng kể.
Tổng thu hoạt động	45,593	47,778	+4.8%	54,166	+13.4%	
Chi phí dự phòng	(8,048)	(7,124)	-11.5%	(8,385)	+17.7%	Tiến độ trích lập dự phòng hiện tại vẫn chưa bắt kịp tốc độ gia tăng nợ xấu do ngân hàng tận dụng bộ đệm vốn có và ưu tiên bảo toàn lợi nhuận. Dự kiến áp lực trích lập trong năm sau sẽ tăng lên (+17.7% YoY).
Lợi nhuận sau thuế	18,155	19,909	+9.7%	22,499	+13.0%	Điều chỉnh dự phóng do thu ngoài lãi sụt giảm.
NIM	5.67%	5.29%	-37bps	5.12%	-17bps	NIM cả năm giảm 37bps so với cùng kỳ song vẫn duy trì ở mức cao so với các ngân hàng khác.
Lãi suất đầu ra bình quân	8.25%	8.33%	+7bps	8.04%	-29bps	
Lãi suất đầu vào bình quân	2.94%	3.43%	+49bps	3.27%	-17bps	
CIR	32.5%	33.0%	+50bps	32.6%	-40bps	
NPL	1.09%	1.80%	+71bps	1.60%	-20bps	Kỳ vọng NPL đã tạo đỉnh trong quý 3/2023, và tiếp tục đi ngang trong quý tới. Năm 2024, chất lượng tài sản sẽ được cải thiện hơn khi tình hình tài chính của khách hàng ổn định.
Tổng tài sản	728,532	863,113	+18.5%	998,766	+15.7%	
Vốn chủ sở hữu	79,613	95,567	+20.0%	114,209	+19.5%	

Nguồn: KBSV

Định giá – Khuyến nghị MUA, giá 25,000 đồng/cổ phiếu

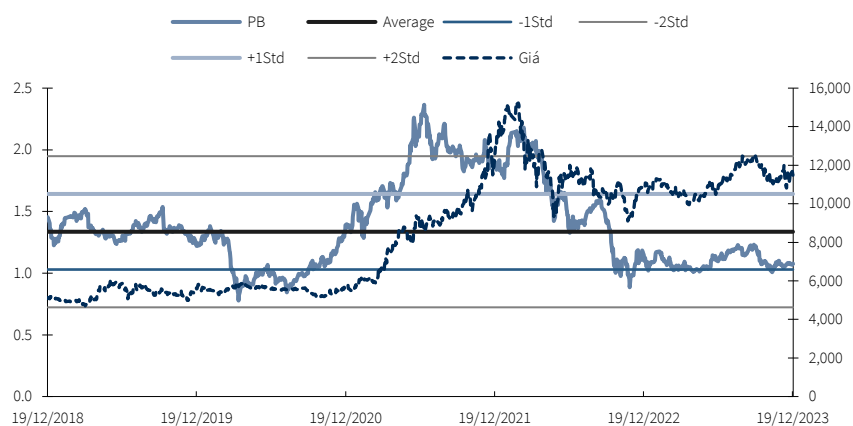
Chúng tôi kết hợp 2 phương pháp định giá là P/B và Chiết khấu lợi nhuận thẳng dư để tìm ra mức giá hợp lý cho cổ phiếu MBB.

(1) Phương pháp định giá P/B

Hiện tại cổ phiếu MBB đang giao dịch ở mức P/B 1.0x, thấp hơn nhiều so với mức P/B trung bình 5 năm (1.3x). Chúng tôi hạ mức P/B mục tiêu 2024 xuống mức 1.1x do lo ngại về rủi ro nợ xấu có thể vẫn chưa được kiểm soát.

(2) Phương pháp chiết khấu lợi nhuận thẳng dư

Chúng tôi tiếp tục kết hợp sử dụng thêm phương pháp chiết khấu lợi nhuận thẳng dư để phản ánh rủi ro hệ thống và kỳ vọng dài hạn.

Biểu đồ 14. Diễn biến giá và chỉ số P/B của MBB

Nguồn: Bloomberg, KBSV

Bảng 15. Cổ phiếu MBB – Định giá theo phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư

Tỷ VND	2024F	2025F	2026F
Lợi nhuận sau thuế	22,499	24,719	28,980
Lợi nhuận thặng dư	3,768	3,624	3,893
Chi phí vốn (Re)	16.4%		
Tăng trưởng (g)	3%		
Giá trị cuối cùng	4,726		
Tổng giá trị hiện tại (PV)	125,446		
Giá trị cổ phiếu MBB	27,668		

Nguồn: KBSV

Bảng 16. Tổng hợp các phương pháp định giá – giá mục tiêu

Phương pháp định giá	Giá dự phóng	Tỷ trọng	Giá dự phóng theo tỷ trọng
Lợi nhuận thặng dư	27,668	50%	13,800
P/B	23,186	50%	11,590
Giá mục tiêu			25,000

Nguồn: KBSV

PHỤ LỤC

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh						Bảng cân đối kế toán					
(Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023F	2024F	(Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần	20,278	26,200	36,023	40,228	45,344	Cho vay khách hàng	293,943	354,797	448,599	526,581	622,303
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	32,767	38,465	52,486	63,274	71,131	Chứng khoán kinh doanh	3,085	7,575	4,106	39,424	45,432
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(12,490)	(12,265)	(16,463)	(23,046)	(25,786)	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý (trừ dự trữ bất buộc)	3,109	3,475	3,744	4,616	5,319
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	3,576	4,367	4,136	3,418	4,444	Tài sản có sinh lời	466,734	574,482	697,256	822,562	947,858
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	1,680	3,254	2,142	1,857	1,765	Tài sản cố định và tài sản khác	29,909	38,176	38,836	47,750	56,077
Tổng thu nhập hoạt động	27,362	36,934	45,593	47,778	54,166	Tổng tài sản	494,982	607,140	728,532	863,113	998,766
Chi phí hoạt động	(10,555)	(12,377)	(14,816)	(15,767)	(17,658)	Tiền gửi của khách hàng	310,960	384,692	443,606	528,306	608,822
LN thuần trước CF DPRRTD	16,807	24,557	30,777	32,011	36,508	Các khoản vay phải sinh, giấy tờ có giá	51,131	68,886	98,581	122,783	143,591
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(6,118)	(8,030)	(8,048)	(7,124)	(8,385)	Các khoản nợ chịu lãi	412,983	513,400	607,335	735,658	843,783
Thu nhập khác	2,809	4,211	3,026	3,095	2,544	Các khoản nợ khác	31,900	31,254	41,584	31,888	40,775
Chi phí khác	(1,129)	(956)	(884)	(1,238)	(780)	Tổng nợ phải trả	444,883	544,654	648,919	767,546	884,557
Tổng lợi nhuận trước thuế	10,688	16,527	22,729	24,887	28,123	Vốn điều lệ	27,988	37,783	45,340	45,340	45,340
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(2,082)	(3,306)	(4,574)	(4,977)	(5,625)	Thặng dư vốn cổ phần	1,178	869	869	869	869
LNST	8,606	13,221	18,155	19,909	22,499	Lợi nhuận chưa phân phối	12,956	12,915	19,064	35,379	54,020
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(343)	(524)	(672)	(874)	(1,136)	Các khoản điều chỉnh vốn	-	-	-	-	-
LNST ngân hàng mẹ	8,263	12,697	17,483	19,035	21,362	Vốn chủ sở hữu	50,099	62,486	79,613	95,567	114,209

Chỉ số tài chính (%)	2020	2021	2022	2023F	2024F	Định giá (đồng, X, %)	2020	2021	2022	2023F	2024F
Khả năng sinh lời						Chỉ số về giá					
ROE	19.1%	23.5%	25.6%	22.7%	21.5%	EPS cơ bản	2,952	3,361	3,856	4,198	4,712
ROA	1.9%	2.4%	2.7%	2.5%	2.4%	Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	17,901	16,538	17,559	21,078	25,190
ROE trước dự phòng	30.0%	34.9%	34.6%	29.2%	27.8%	Giá trị sổ sách hữu hình/CP (Tangible BVPS)	17,447	16,140	17,197	20,652	24,690
ROA trước dự phòng	3.0%	3.6%	3.7%	3.2%	3.1%	Chỉ số định giá					
Biên lãi ròng (NIM)	4.7%	5.0%	5.7%	5.3%	5.1%	PER	14.9	13.1	11.4	10.5	9.3
Hiệu quả hoạt động						PBR	2.5	2.7	2.5	2.1	1.7
LDR thuần	95.9%	94.5%	103.8%	102.0%	104.0%	Ti lệ cổ tức	1.4%	1.4%	1.4%	1.4%	1.4%
CIR	38.6%	33.5%	32.5%	33.0%	32.6%	ROE	19.1%	23.5%	25.6%	22.7%	21.5%
Tốc độ tăng trưởng						An toàn vốn					
Tăng trưởng tổng tài sản	20.3%	22.7%	20.0%	18.5%	15.7%	Ti lệ an toàn vốn (CAR)	10.4%	11.3%	11.4%	>11%	>11%
Tăng trưởng cho vay khách hàng	18.9%	20.7%	26.4%	17.4%	18.2%	Chất lượng tài sản					
Tăng trưởng LN thuần trước DPRRTD	12.6%	46.1%	25.3%	4.0%	14.0%	NPL (nợ xấu nhóm 3-5)	1.1%	0.9%	1.1%	1.8%	1.6%
Tăng trưởng LNST ngân hàng mẹ	5.6%	53.7%	37.7%	8.9%	12.2%	Độ bao phủ nợ xấu (nợ xấu nhóm 3-5)	134.1%	268.0%	238.0%	126.7%	107.3%
Tăng trưởng EPS	-10.5%	13.8%	14.7%	8.9%	12.2%	SML (nợ xấu và nợ cà nhúy)	1.9%	2.0%	2.8%	3.6%	3.4%
Tăng trưởng BVPS	6.5%	-7.6%	6.2%	20.0%	19.5%	Độ bao phủ nợ xấu (nợ xấu và nợ cần chú ý)	76.8%	122.0%	93.3%	63.4%	50.5%

Nguồn: KBSV ước tính

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoí phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.